

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TT  
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

-----  
Bản án số: 26/2020/HSST  
Ngày 24 - 6 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Minh Thân

Ông Nguyễn Thành Lâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

**Họ và tên:** Lê Đăng K, sinh ngày: 20/01/1997, tại huyện TT, tỉnh P; Nơi cư trú: khu 9, xã Đ, huyện TT, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Xhung và bà Quyết Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 24/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại xã Đ, huyện TT, tỉnh P (Có mặt).

**Bị hại:** Anh Nguyễn Văn N, Sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu 1, xã X, huyện TT, tỉnh P (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 19/4/2020, tại bàn uống nước quán "Đ Quán" thuộc khu 11, xã Đ, huyện TT, tỉnh P, Công an huyện TT phối hợp cùng Công an xã Đ bắt quả tang bị cáo Lê Đăng K đang có hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần và nhận số tiền 4.500.000đồng của anh Nguyễn Văn N – Sinh năm 1980, ở khu 1, xã X, huyện TT, tỉnh P. Kiểm tra thu giữ của bị cáo số tiền 4.500.000đ, 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu xám lắp sim số 0327.367.124; Tạm giữ của anh Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động Samsung J7 màu đen lắp sim số 0972.270.119. Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được, hồi 15 giờ ngày 19/4/2020, Công an huyện TT thi hành

lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi làm việc của bị cáo tại quán "Đ Quán". Quá trình khám xét, Cơ quan điều tra thu giữ: tại gian ngoài cùng bên trong quán bán hàng 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha NVX, số khung RLCSED310HY016219, số máy E3Y6E-016221 lắp biển kiểm soát 19L1-229.40, bên trong cốp xe có 01 ví giả da màu đen, bên trong ví giả da có 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Đăng K và số tiền 160.000đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa các đối tượng cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ có liên quan về trụ sở Công an huyện để điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, nội dung vụ án được làm rõ như sau: Ngày 16/4/2020, thông qua ứng dụng Blued (Ứng dụng nhắn tin, làm quen của người đồng tính) K có làm quen, nói chuyện với anh Nguyễn Văn N. Đến ngày 18/4/2020, K và anh N có hẹn gặp nhau tại quán bán hàng ăn sáng của K là "Đ Quán" thuộc khu 11, xã Đ, huyện TT. Khi gặp nhau, K và anh N cùng nhau vào phòng nghỉ trưa dành cho nhân viên của quán, tại đây K và anh N có hành vi quan hệ tình dục đồng giới với nhau. Trong quá trình quan hệ, K dùng điện thoại Iphone 6S Plus màu xám lắp sim số 0327.367.124 của K để quay lại 02 video ghi cảnh quan hệ giữa hai người. Đến sáng ngày 19/4/2020, do cần tiền chi tiêu cá nhân, K nảy sinh ý định dùng 02 video ghi cảnh quan hệ giữa K và anh N để đe dọa, uy hiếp tinh thần, cưỡng đoạt tài sản của anh N. K sử dụng nick Zalo cài trong điện thoại của mình tên là "Sop Si lẻ Phụ Kiện Nam Nu" đăng ký bằng số điện thoại 0327.367.124 của K nhắn nhiều tin nhắn cho anh N với nội dung "T chỉ cần tiền. Không t lập fb giả đăng lên mạng ấy", dọa sẽ đăng 02 video ghi cảnh quan hệ giữa K và anh N lên mạng xã hội cho nhiều người xem và cho vợ anh N biết, nhằm uy hiếp tinh thần, buộc anh N phải đưa tiền cho Khoa. Anh N nhắn tin xin K nhưng K yêu cầu anh N phải đưa cho K số tiền 1.000.000đồng và phải cho K vay thêm 4.000.000đồng. K thống nhất anh N sẽ chuyển trước cho K số tiền 500.000đ vào số tài khoản 271.720.522.9627 tại ngân hàng Agribank của Khoa. Số tiền 4.500.000đ còn lại, anh N sẽ đưa trực tiếp cho Khoa. Khoảng 14 giờ ngày 19/4/2020, anh N đến cửa hàng làm dịch vụ chuyển tiền qua điện thoại của chị Nguyễn Thị Dinh – Sinh năm 1986, ở Khu 12 xã Đ chuyển trước số tiền 500.000đồng vào số tài khoản 271.720.522.9627 của Khoa. Do lo sợ bị K đăng những video nhạy cảm lên mạng xã hội và sợ bị tiếp tục đe dọa, cưỡng đoạt tài sản nên anh N đã trình báo Công an huyện TT. Đến 14 giờ 30 phút khi anh N vừa giao số tiền 4.500.000đồng cho K thì Công an huyện TT bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu trên. Ngày 12/5/2020, bị cáo tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Công an số tiền đã chiếm đoạt được của anh N 500.000đồng để bồi thường cho anh N.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã kiểm tra chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu xám lắp sim số 0327.367.124 của K có lưu 02 video quan hệ tình dục đồng giới giữa K và anh N, cùng nhiều tin nhắn Zalo với nội dung đe dọa, yêu cầu anh N đưa tiền. Kiểm tra nội dung bên trong điện thoại di động Samsung J7 màu đen lắp sim số 0972.270.119 của anh N, có nhiều tin nhắn Zalo của K đe dọa anh N đưa tiền.

Đối với 01 đĩa CD chứa video quan hệ tình dục đồng giới giữa bị cáo với anh N mà bị cáo đã dùng để cưỡng đoạt tài sản của anh N, được chuyển theo hồ sơ vụ án. Vật chứng còn lại gồm: 01 điện thoại Iphone 6S Plus lắp sim số 0327.367.124.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 09/6/2020 của VKSND huyện TT tỉnh P truy tố bị cáo Lê Đăng K về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Khoản 1 Điều 170, Điều b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Đăng K phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Lê Đăng K từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai; Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 19/4/2020, tại khu 11, xã Đ, huyện TT, tỉnh P, bị cáo Lê Đăng K đã có hành vi dùng 02 video quay cảnh quan hệ tình dục đồng giới giữa bị cáo và anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980, ở khu 1, xã X, huyện TT để đe dọa, uy hiếp tinh thần, buộc anh N phải đưa cho bị cáo số tiền 1.000.000đồng và cho vay số tiền 4.000.000đồng để chi tiêu cá nhân. Do lo sợ bị K đăng những video nhạy cảm lên mạng xã hội và cho gia đình anh N biết, khiến anh N phải miễn cưỡng gửi tiền cho bị cáo. Vì vậy, khoảng đầu giờ chiều ngày 19/4/2020, anh N đã đến cửa hàng làm dịch vụ chuyển tiền qua điện thoại của chị Nguyễn Thị Dinh, Sinh năm 1986, ở Khu 12 xã Đ chuyển vào số tài khoản 271.720.522.9627 của bị cáo số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và việc chuyển tiền đã thành công hồi 13 giờ 47 phút. Đến hồi 14 giờ 30 phút cùng ngày khi anh N vừa đưa cho bị cáo số tiền còn lại là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tại bàn uống nước trong quán bán hàng “Đ quán”, tại khu 11 xã Đ, huyện TT, tỉnh P thì bị Công an huyện TT bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

[2] Xét tính chất vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án cho thấy:

Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự an xã hội là khách thể được luật hình sự bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến

đều bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật ngăn cấm, bị xã hội lên án nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do bị cáo đã coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, muốn có tiền chi tiêu cá nhân nhưng lại không chịu lao động nên đã đe dọa, uy hiếp tinh thần của anh N nhằm chiếm đoạt tài sản.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an số tiền đã chiếm đoạt được để bồi thường cho anh N. Ngoài ra, bị cáo có ông bà nội là ông Lê Văn Nhiễm và bà Nguyễn Thị Lâm là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến; Tại phiên tòa, bị hại là anh N đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, nếu không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, cũng đủ điều kiện giáo dục răn đe bị cáo trở thành công dân tốt.

**[3]** Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 của Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng. Tuy nhiên theo xác minh của cơ quan điều tra cho thấy, bị cáo chưa có vợ, con sống phụ thuộc cùng gia đình bố mẹ đẻ của bị cáo. Tài sản duy nhất của bị cáo là 01 xe máy Yamaha-NVX BKS 9L1 – 229.40 là phương tiện đi lại kiếm sống tối thiểu hàng ngày, nên Hội đồng xét xử xét miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

**[4]** Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), (Trong đó: 1.000.000đồng bị cáo mục đích chiếm đoạt của anh N và 4.000.000đ bị cáo và anh N xác định là bị cáo vay của anh N). Anh N đã nhận lại đầy đủ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, xét thấy phù hợp, cần được xác nhận.

**[5]** Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trả lại một số tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp không liên quan đến tội phạm gồm: trả lại cho anh Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động Samsung J7 màu đen lắp sim số 0972.270.119; Trả lại cho bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha NVX lắp BKS 19L1- 229.40, 01 ví giả da màu đen, 01 giấy đăng ký xe, 01 CMND mang tên Lê Đăng K và số tiền 160.000đ là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Đối với 01 đĩa CD chứa video quan hệ tình dục đồng giới giữa bị cáo với anh N mà bị cáo đã dùng để cưỡng đoạt tài sản của anh N, được lưu tại Hồ sơ vụ án là phù hợp.

- Đối với: 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus của bị cáo là vật chứng của vụ án, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 sim số 0327.367.124 của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định Tổ tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 170, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

*Tuyên bố* bị cáo Lê Đăng K phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

*Xử phạt:* Bị cáo Lê Đăng K 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao bị cáo Lê Đăng K cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TT, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

*Về trách nhiệm dân sự:* Xác nhận anh Nguyễn Văn N đã nhận đủ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) từ bị cáo giao nộp.

*Về xử lý vật chứng:* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2; Điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu xám đã cũ, số imei 3533337079642194 của bị cáo;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 0327.367.124 của bị cáo.

(*Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh P đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/6/2020*).

*Về án phí:* Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đăng K phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND h.TT,
- VKSND tỉnh P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CA huyện TT;
- CQ THAHS;
- UBND xã Đ (TB);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Lưu HS, VP.

**Phạm Thị Hồng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
PHIÊN TÒA**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**